

Số : 2635 /QĐ-ĐHHS

Tp.HCM, ngày 24 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**V/v ban hành Chương trình đào tạo Đại học Khóa 2021
Ngành Thương mại điện tử**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA SEN

Căn cứ quyết định số 274/2006/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Hoa Sen;

Căn cứ Quyết định số 603/ĐHHS ngày 31 tháng 03 năm 2020 của Chủ tịch Hội đồng Trường Trường Đại học Hoa Sen về việc bổ nhiệm chức danh Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Sen;

Căn cứ Quyết định số 2283/QĐ-ĐHHS ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Sen về Quy trình xây dựng Chương trình đào tạo-Chuẩn đầu ra;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường Đại học Hoa Sen lần thứ 11 ngày 31 tháng 07 năm 2020;

Xét đề nghị của Phó Trưởng khoa Kinh tế và Quản trị,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Chương trình đào tạo Đại học Khóa 2021 ngành Thương mại điện tử của Khoa Kinh tế và Quản trị.

Điều 2. Chương trình đào tạo trên được áp dụng chính thức từ học kỳ 01 năm học 2021-2022.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng/Phó Khoa Kinh tế và Quản trị, Trưởng/Phó Ban dự án mở ngành Thương mại điện tử, Trưởng/Phó các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch NHG (để b/c);
- Ban TGD NHG (để b/c);
- Chủ tịch HĐT (để b/c);
- Lưu: VT, P.ĐBCL&KT.


PGS.TS. Nguyễn Ngọc Điện

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình	: Thương mại điện tử
Trình độ đào tạo	: Đại học
Ngành đào tạo	: Thương mại điện tử (Electronic Commerce)
Loại hình đào tạo	: Chính quy tập trung
Khóa	: 2021 - 2025

*(Ban hành theo quyết định số 2635/QĐ-ĐHHS ngày 24 tháng 12 năm 2020
của Hiệu trưởng trường Đại học Hoa Sen)*

Áp dụng từ Học kỳ 01, năm học 2021 – 2022

1. Mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra

1.1. Mục tiêu đào tạo

1.1.1. Mục tiêu chung

Chương trình Thương mại điện tử (bậc Đại học) đào tạo người học có phẩm chất chính trị vững vàng; có đạo đức trong kinh doanh; có ý thức phục vụ nhân dân. Đồng thời có những kiến thức và năng lực về thương mại điện tử (TMĐT) như kinh doanh linh hoạt với mọi tình huống, nhưng chi phí thấp, hiệu quả cao. Người học có thể tự thiết kế các mô hình kinh doanh phù hợp với năng lực tài chính và sự năng động của cá nhân, biến sở thích thành nguồn thu nhập khi tham gia kinh doanh trong môi trường kinh tế toàn cầu.

1.1.2. Mục tiêu cụ thể

Cụ thể chương trình TMĐT thể hiện các mục tiêu đào tạo dưới đây:

- Trang bị cho người học các kiến thức nền tảng cơ sở của thương mại điện tử, thực hiện các kỹ năng chuyên sâu về hoạt động thương mại điện tử
- Người học có kiến thức chuyên sâu về TMĐT để tham gia kinh doanh với nhiều phương thức điện tử trên phạm vi toàn cầu.
- Có khả năng nhận biết và giải quyết các vấn đề trong kinh doanh thương mại điện tử và vận dụng các kiến thức, kỹ năng cũng như các lý thuyết thương mại điện tử vào thực tế của kinh doanh quốc tế.
- Đào tạo các chuyên gia có khả năng thiết lập và quản trị mạng kinh doanh toàn cầu
- Ngoài ra, với các kiến thức căn bản và nâng cao về kế toán, marketing, tài chính quốc tế và tài chính doanh nghiệp cho phép người học tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn hoặc mở rộng sang các chuyên ngành kinh tế khác.

1.2. Chuẩn đầu ra

Tốt nghiệp chương trình TMĐT (bậc Đại học) sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra như sau:

❖ Thái độ và đạo đức nghề nghiệp

1. Chấp hành quy định, kỷ luật lao động của tổ chức; có tác phong làm việc nghiêm túc, không ngại khó; hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
2. Có đạo đức tốt và tinh thần hợp tác quốc tế trong kinh doanh; tuân thủ nguyên tắc các bên tham gia cùng có lợi.

3. Hiểu biết rõ và tuân thủ luật pháp Việt Nam trong hoạt động TMĐT.
4. Trung thực, công bằng trong quan hệ thương mại và hợp tác đầu tư.

❖ Năng lực chuyên môn

Chương trình đào tạo cung cấp các kiến thức cơ bản về TMĐT, vì thế sau khi học xong người học có khả năng thực hiện các công việc chuyên môn sau đây:

1. Tham mưu cho Chính phủ hoặc cơ quan đại diện của Chính phủ trong việc xây dựng các chính sách liên quan đến thương mại điện tử.
2. Hiểu biết về chính phủ điện tử và áp dụng vào công việc của quản trị công quyền.
3. Nắm vững các kiến thức nền tảng của hoạt động thương mại điện tử, đồng thời có khả năng tiếp cận các kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về hoạt động thương mại điện tử
4. Đào tạo đội ngũ quản lý có khả năng nhận biết và giải quyết các vấn đề trong hoạt động kinh doanh thương mại điện tử và vận dụng các kiến thức, kỹ năng cũng như các lý thuyết thương mại điện tử vào kinh doanh thực tế.
5. Có thể tham gia vào cấp quản lý vĩ mô với sự hiểu biết về các chương trình, cam kết trong phạm vi khu vực và thế giới.
6. Có khả năng giao tiếp tiếng Anh trong thương mại và đầu tư quốc tế.

❖ Khả năng hội nhập và học tập suốt đời

1. Có chứng chỉ trình độ tiếng Anh tối thiểu tương đương trình độ B1.
2. Kỹ năng tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, phân tích lập luận đánh giá các quy trình và giải pháp hợp lý.
3. Kỹ năng lãnh đạo và làm việc theo nhóm, nắm bắt và tổ chức thực hiện công việc độc lập.
4. Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và tích lũy kinh nghiệm thực tế để có cơ hội tự làm chủ trong kinh doanh.
5. Thực hiện tốt trách nhiệm công dân và trách nhiệm xã hội, tuân thủ các quy ước chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

❖ Cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi học xong các nội dung của ngành TMĐT, người học có cơ hội thực hiện nhiều hoạt động kinh doanh, nhưng tập trung vào một số công việc tiêu biểu sau đây:

- Nhà quản trị mạng
- Thiết kế kinh doanh hàng online (kinh doanh trực tuyến)
- Chuyên gia hoạch định chiến lược TMĐT
- Nhà kinh doanh xuất nhập khẩu vận dụng thuận thực giao dịch trực tuyến
- Quản trị khâu thanh toán điện tử ở các ngân hàng
- Chuyên gia bảo mật an ninh mạng.
- Quản trị giao nhận hàng hóa, khai báo hải quan trực tuyến
- Tổ chức kết nối vận tải, thực hiện các giải pháp hữu ích trong chuỗi vận tải
- Thực hiện E-Marketing
- Sử dụng thuận thực các phần mềm trong các ngành, lĩnh vực có liên quan đến kinh doanh quốc tế như quản trị nhân lực, kho bãi, quản trị khách hàng...

❖ Tính liên thông ngang và liên thông dọc của Chương trình đào tạo

Hướng đến tương lai xa hơn, Chương trình đào tạo ngành Thương mại điện tử sẽ mở các Chương trình liên thông:

(i) Liên thông dọc: giúp người học có khả năng nâng cấp trình độ lên Thạc sĩ, Tiến sĩ ngành Thương mại điện tử;

(ii) Liên thông ngang: các môn học được thiết kế trong Chương trình đào tạo giúp người học có thể học song bằng; chuyển sang ngành khác tương ứng, trước mắt là các ngành trong Bộ môn Kinh doanh quốc tế hoặc Khoa Kinh tế và Quản trị hoặc ngành khác ở Trường Đại học Hoa Sen và các Trường khác theo nhu cầu của người học.

2. Thời gian đào tạo: 4 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 130 tín chỉ, Giáo dục thể chất (03 tín chỉ) và Giáo dục quốc phòng – An ninh (165 tiết)

a. Trình độ ngoại ngữ:

Căn cứ vào điểm thi Trung học phổ thông quốc gia môn Anh văn (nếu có) hoặc kết quả thi xếp lớp (nếu sinh viên có đăng ký dự thi), sinh viên sẽ được xếp lớp tương ứng từ cấp độ anh văn dự bị trở lên và học theo quy định học ngoại ngữ tại trường.

b. Trình độ tin học:

Kiến thức Tin học đại cương là yêu cầu đầu vào vì là điều kiện tiên quyết của một số môn trong Chương trình đào tạo (bậc Đại học) nên vào học kỳ 1 sinh viên sẽ được xếp học môn Tin học dự bị (không có tín chỉ). Sinh viên có thể đăng ký kiểm tra trình độ tin học và nếu điểm kiểm tra đạt từ 5,0 trở lên sẽ được miễn môn Tin học dự bị.

4. Đối tượng tuyển sinh: Theo quy chế Tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Đào tạo theo học chế tín chỉ ban hành theo Quyết định số 1863/QĐ-BGH ngày 5 tháng 11 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Sen.

- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo.
- Điểm trung bình tích lũy toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên và không có môn học không đạt (điểm D+, D, D-, F).
- Các môn học thuộc các mục từ 7.1.1 đến 7.1.3 có điểm TKMH ≥ 4.0 (hệ 10)
- Các môn học thuộc các mục từ 7.1.4 đến 7.2.4 có điểm TKMH ≥ 5.0 (hệ 10)
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – An ninh và hoàn thành chương trình Giáo dục thể chất.
- Có chứng chỉ chuẩn đầu ra tiếng Anh tối thiểu tương đương trình độ B1.
- Và một số quy định khác theo quy chế tín chỉ ban hành theo Quyết định số 1863/QĐ-BGH của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Sen, ký ngày ngày 5 tháng 11 năm 2013.

Sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng Cử nhân ngành Thương mại điện tử của Trường Đại học Hoa Sen.

6. Thang điểm

Stt	Loại	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Đạt (tính số tín chỉ tích lũy)	9,0 – 10	A	4,0
2		8,5 – 8,9	A-	3,7
3		7,5 – 8,4	B+	3,3
4		7,0 – 7,4	B	3,0
5		6,0 – 6,9	B-	2,7
6		5,5 – 5,9	C+	2,3
7		5,0 – 5,4	C	2,0
8	(Đạt có điều kiện)	4,0 – 4,9	C-	1,7
9	Không đạt	3,0 – 3,9	D+	1,3
10		2,0 – 2,9	D	1,0
11		1,0 – 1,9	D-	0,7
12		00 – 0,9	F	00

7. Nội dung chương trình đào tạo

7.1 Kiến thức giáo dục đại cương

7.1.1 Lý luận Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	DC140DV01	Triết học Mác-Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	45	3	
2	DC141DV01	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Marxist-Leninist Political Economy	30	2	
3	DC142DV01	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	30	2	
4	DC143DV01	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh's Ideology	30	2	
5	DC144DV01	Lịch sử Đảng CSVN	Vietnam Communist Party's History	30	2	
Cộng				165	11	

7.1.2 Khoa học xã hội

– Bắt buộc (3 tín chỉ):

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	GLAW101DV01	Pháp luật đại cương	Introduction to Law	45	3	
Cộng				45	3	

– Tự chọn (6 tín chỉ): chọn 2 môn

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	DC115DV01	Phương pháp học đại học	Study Skills in Higher Education	45	3	
2	DC122DV01	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	Vietnamese Writing Skills	45	3	
3	DC202DV01	Tư duy phản biện	Critical Thinking	45	3	
4	DC203DV01	Dẫn nhập phương pháp nghiên cứu	Introduction to Research Methods	45	3	
5	DC155DV01	Luật an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu toàn cầu	Cyber Security and Data Privacy Law	45	3	
6	DC154DV01	Kinh tế văn hóa xã hội các nước ASEAN	ASEAN: Cultures, Economies, and Societies	45	3	
Cộng				90	6	

7.1.3 Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên – Công nghệ – Môi trường

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	MIS215DV01	Tin học ứng dụng khối ngành Kinh tế	Information Technology in Business	45	3	
Cộng				45	3	

7.1.4 Ngoại ngữ

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	AV117DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 4	EIC4	105	5	
2	AV210DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 5	EIC5	105	5	
3	AV211DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 6	EIC6	105	5	
Cộng				315	15	

7.1.5 Giáo dục thể chất: hoàn thành Chương trình Giáo dục thể chất – 03 tín chỉ

7.1.6 Giáo dục quốc phòng – An ninh: 165 tiết, cấp chứng chỉ GDQP – An ninh

7.1.7 Thực tập nhận thức tại doanh nghiệp: 7 tuần, 3 TC

7.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

7.2.1 Kiến thức cơ sở

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	QT106DV02/ QT106DE02	Quản trị học	Principles of Management	45	3	(#)
2	QT101DV01/ QT101DE01	Kinh tế vi mô	Microeconomics	45	3	(#)
3	QT102DV01/ QT102DE01	Kinh tế vĩ mô	Macroeconomics	45	3	(#)
4	KT204DV02	Nguyên lý kế toán	Introduction to Accounting	45	3	
5	MK203DV01/ MK203DE01	Marketing căn bản	Principles of Marketing	45	3	(#)
6	NT103DV01	Nhập môn Kinh doanh quốc tế	Introduction to International Business	45	3	
7	TC203DV02/ TC203DE01	Tài chính quốc tế	International Finance	45	3	(#)
8	MIS214DV01	Phân tích định lượng	Quantitative methods in Business	60	3	
9	KHTQ113DV01	Thống kê Kinh doanh	Business Statistics	45	3	
Cộng				420	27	

7.2.2 Kiến thức ngành chính

7.2.2.1 Kiến thức chung ngành chính

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	MIS102DV01	Nhập môn Hệ thống thông tin quản lý	Introduction to MIS	45	3	
2	MIS103DV01	Nhập môn Cơ sở dữ liệu	Introduction to Database	45	3	
3	NT336DV01/ NT336DE01	Quản trị dự án Thương mại điện tử	E-commerce Project Management	45	3	(#)
4	NT204DV02	Hội nhập và các cam kết quốc tế	Integration and International Agreement	45	3	
5	NT209DV01/	Thương mại điện tử	E-Commerce	45	3	(#)

	NT209DE01					
6	NT308DV02	Sàn Giao dịch thương mại điện tử	E-Commerce Exchange	45	3	
Cộng				270	18	

7.2.2.2 Kiến thức chuyên sâu ngành chính

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	NT320DV01/ NT320DE01	Doanh nghiệp điện tử	E-Business	45	3	(#)
2	NT313DV01/ NT313DE01	Chính phủ điện tử	E-Government	45	3	(#)
3	NT314DV02	Kho dữ liệu và khai thác dữ liệu	Database and Data Mining	45	3	
4	NT406DV01/ NT406DE01	Thương mại điện tử nâng cao	Advanced E-Commerce	45	3	(#)
5	NT315DV01/ NT315DE01	Bảo mật thương mại điện tử	E-Commerce Security	45	3	(#)
6	NT335DV01/ NT335DE01	Chiến lược Marketing thương mại điện tử	Strategy for E-Commerce Marketing	45	3	(#)
7	MIS314DV01	Kinh doanh thông minh và phân tích dữ liệu lớn	Business Intelligence and Big Data Analytics	45	3	
Cộng				315	21	

– Tự chọn bắt buộc (3 môn - 9 tín chỉ) trong số những môn sau:

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	NT321DV01	Giao nhận hàng hóa và khai báo hải quan	Forwarder and Customs	45	3	
2	NT215DV01	Nhập môn Trí tuệ nhân tạo	Introduction to Artificial Intelligent	45	3	
3	MIS404DE02/ MIS404DV02	Chiến lược phát triển Hệ thống thông tin doanh nghiệp	Development of Business Information Systems	45	3	(#)
4	NT337DV01	Kinh doanh trên mạng xã hội	Business on Social Network	45	3	
5	NT338DV01	Công nghệ thông tin cơ bản trong thương mại điện tử	Technology Fundamentals of E-commerce	45	3	
6	NT303DV02	Công nghệ và Chuyển giao Công nghệ	Technology and Transfer	45	3	
7	NT216DV01/ NT216DE01	Cơ sở pháp lý về thương mại điện tử	Legal Issues and E-Commerce	45	3	(#)

8	NT324DV01	Ứng dụng Blockchain trong kinh doanh quốc tế	Applying Blockchain on International Business	45	3	
9	NT311DV02/ NT311DE02	Bán lẻ điện tử	E-Retailing	45	3	(#)
Cộng				135	9	

– Đề án (2 tín chỉ):

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	NT339DV01	Đề án Lập kế hoạch kinh doanh Thương mại điện tử	E-Commere Business Planning Project	0	2	
Cộng				0	2	

7.2.3 Kiến thức bổ trợ tự do (3 tín chỉ)

Sinh viên được tự do lựa chọn 3 tín chỉ các môn học nằm trong Danh mục môn học của trường, trừ các tín chỉ bắt buộc, tự chọn bắt buộc đã được công nhận của CTĐT.

Khuyến khích sinh viên chọn trong những môn sau đây (không bắt buộc):

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	MK401DV01	Quản trị thương hiệu	Brand Management	45	3	
2	MK403DV01	Quản trị quan hệ khách hàng	Customer Relationship Management	45	3	
3	NT301DV01	Đầu tư quốc tế	International Investment	45	3	
4	TIN132DV01	Lập trình hướng đối tượng	Object Oriented Programming	45	3	
5	MK302DE01	Marketing quốc tế	International Marketing	45	3	
Cộng				45	3	

7.2.4 Tốt nghiệp (9 tín chỉ)

Khoa sẽ căn cứ *Quy định hướng dẫn về làm Khóa luận tốt nghiệp, Thực tập tốt nghiệp* xét duyệt từng sinh viên để xác định việc học 1 trong 2 hình thức:

- Khóa luận tốt nghiệp (9 tín chỉ)
- Thực tập tốt nghiệp (9 tín chỉ)

SV có hoàn cảnh đặc biệt không thể chọn 1 trong 2 hình thức ở trên phải làm đơn kèm minh chứng để Khoa xem xét cho học môn thay thế tốt nghiệp.

Nếu sinh viên tự ý học các môn thay thế tốt nghiệp sẽ được xem là môn tự chọn tự do hoặc môn học thêm.

8. Các phụ lục đính kèm:

- Kế hoạch học tập: Các kế hoạch học tập đúng hạn (4 năm)
- Bảng đối chiếu Chuẩn đầu ra của CTĐT và môn học.

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- 9.1.** Trong chương trình đào tạo có các môn dạy bằng tiếng Anh (mã DE) có ghi chú (#), sinh viên có thể lựa chọn học bằng tiếng Anh (mã DE) hoặc tiếng Việt (mã

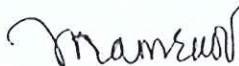
DV) nhưng **tối thiểu phải học 6 môn bằng tiếng Anh (mã DE) trong những môn học này.**

- 9.2. Đối với các môn Tự chọn bắt buộc, việc xem xét mở môn tùy thuộc vào điều kiện thực tế tại từng thời điểm: sĩ số sinh viên dự kiến đăng ký, nguồn lực giảng viên, các điều kiện về CSVC...
- 9.3. Môn học được giảng dạy theo Đề cương môn học đã được phê duyệt và phải được cung cấp cho sinh viên trước khi giảng dạy.
- 9.4. Tùy theo số tín chỉ đã tích lũy ở bất kỳ thời điểm xem xét, sinh viên sẽ được phân loại theo năm học như sau:

Loại SV	Số tín chỉ đạt
SV năm I	0 - 36
SV năm II	37 - 76
SV năm III	77 - 116
SV năm IV	Từ 117 trở lên

Việc phân loại sinh viên theo số tín chỉ, so sánh với số năm học danh nghĩa cũng là căn cứ để xác định tình trạng học tập của sinh viên. Do đó, sinh viên cần có kế hoạch học tập cá nhân phù hợp để hoàn thành Chương trình đào tạo trong thời gian tối đa được phép học tại trường.

Ngày 18 tháng 12 năm 2020
Phó Trưởng Kinh tế và Quản trị



TS. Trần Nam Quốc

Ngày 17 tháng 12 năm 2020
Trưởng dự án mở ngành



PGS. TS. Hà Thị Ngọc Oanh

Ngày 24 tháng 12 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Ngọc Điện



PHỤ LỤC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
KẾ HOẠCH HỌC TẬP ĐÚNG HẠN (4 NĂM)
(Trình độ tiếng Anh đầu vào EIC 1)

Mẫu 1b

Ngành: THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ
Bậc: ĐẠI HỌC
Khóa: 2021-2025

(Kế hoạch học tập xây dựng dựa trên Chương trình đào tạo ngành TMĐT được ban hành theo quyết định số 2635/QĐ-DHHS của Hiệu trưởng trường Đại học Hoa Sen, ký ngày 24/12/2020.)

HỌC KỲ 1

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	AV012DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 1	EIC 1	0	158		
2	AV013DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 2	EIC 2	0	158	AV012DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 1	
3	GLAW101DV01	Pháp luật đại cương	Introduction to Law	3	45	-	
4	NT103DV01	Nhập môn Kinh doanh quốc tế	Introduction to International Business	3	45		
5	Môn tự chọn KHXH 1 - Chọn 1 trong 3 môn sau:						
	DC115DV01	Phương pháp học đại học	Study Skills in Higher Education	3	45		
	DC122DV01	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	Vietnamese Writing Skills	3	45		
	DC203DV01	Dẫn nhập phương pháp nghiên cứu	Introduction to Research Methods	3	45		
Tổng cộng				9	451		

HỌC KỲ 2

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	DC004DV02	Giáo dục quốc phòng		0	165		
Tổng cộng				0	165		

Ghi chú: Tùy trình độ tiếng Anh đầu vào và tình hình thực tế của nhà trường, môn học Giáo dục quốc phòng sẽ được sắp xếp linh hoạt so với kế hoạch này.

HỌC KỲ 2

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	AV015DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 3	EIC 3	0	105	AV013DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 2	
2	AV117DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 4	EIC 4	5	105	AV116DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 3	
3	DC140DV01	Triết học Mác-Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	3	45		
4	KHTQ113DV01	Thống kê kinh doanh	Business Statistics	3	45		
5	KT204DV02	Nguyên lý kế toán	Introduction to Accounting	3	45		
6	TINV002DV01	Tin học dự bị		0	45		
Tổng cộng				14	390		

HỌC KỲ 3

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	AV210DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 5	EIC 5	5	105	AV117DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 4	
Tổng cộng				5	105		

HỌC KỲ 3

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	AV211DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 6	EIC 6	5	105	AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5	
2	QT106DV02/ QT106DE02	Quản trị học	Introduction to Management	3	45	AV210DV01 - Anh văn giao tiếp quốc tế 5	(#)
3	QT101DV01/ QT101DE01	Kinh tế vi mô	Microeconomics	3	45	AV210DV01 - Anh văn giao tiếp quốc tế 5	(#)
4	MK203DV01/ MK203DE01	Marketing căn bản	Principles of Marketing	3	45	AV210DV01 - Anh văn giao tiếp quốc tế 5	(#)
5	MIS215DV01	Tin học ứng dụng khối ngành Kinh tế	Information Technology in Business	3	45	TINV002DV01_Tin học dự bị	
6	MIS214DV01	Phân tích định lượng	Quantitative methods in Business	3	60		
7	Môn Giáo dục thể chất 1			1	45		
Cộng				21	390		

HỌC KỲ TẾT: SV có thể học vượt, trả nợ hoặc nghỉ

HỌC KỲ 4

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1.	DC141DV01	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Marxist-Leninist Political Economy	2	30	DC140DV01_Triết học ML	
2.	QT102DV01/ QT102DE01	Kinh tế vĩ mô	Macroeconomics	3	45	QT101DV01_Kinh tế vi mô AV210DV01 - Anh văn giao tiếp quốc tế 5	(#)
3	MIS102DV01	Nhập môn Hệ thống thông tin quản lý	Introduction to Management Information Systems	3	45		
4	TC203DV02/ TC203DE01	Tài chính quốc tế	International Finance	3	45		(#)
5	NT204DV02	Hội nhập & các cam kết quốc tế	Integration & International Agreement	3	45		
6	Môn tự chọn KHXH 2 - Chọn 1 trong 3 môn sau:						
	DC202DV01	Tư duy phản biện	Critical Thinking	3	45		
	DC155DV01	Luật an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu toàn cầu	Cyber Security and Data Privacy Law	3	45		
	DC154DV01	Kinh tế văn hóa xã hội các nước ASEAN	ASEAN: Cultures, Economies, and Societies	3	45		
7	Môn Giáo dục thể chất 2			1	45		
Tổng cộng				18	300		

HỌC KỲ HÈ

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	NT250DV02	Thực tập nhận thức	Work Experience Internship	3	7 tuần		
Tổng cộng				3	7 tuần		

HỌC KỲ 5

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	DC142DV01	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	2	30	DC141DV01_Kinh tế chính trị Mác-Lênin	
2	MIS103DV01	Nhập môn Cơ sở dữ liệu	Introduction to Database	3	45		
3	NT313DV01/ NT313DE01	Chính phủ điện tử	E-Government	3	45	AV210DV01 - Anh văn giao tiếp quốc tế 5	(#)
4	NT209DE01/ NT209DV01	Thương mại điện tử	E-Commerce	3	45	AV210DV01 - Anh văn giao tiếp quốc tế 5	(#)
5	NT320DV01/ NT320DE01	Doanh nghiệp điện tử	E-Business	3	45	AV210DV01 - Anh văn giao tiếp quốc tế 5	(#)

6	Môn Giáo dục thể chất 3			1	45		
7	Chọn 1 trong số các môn:						
	MIS404DE02/ MIS404DV02	Chiến lược phát triển Hệ thống thông tin doanh nghiệp	Development of Business Information Systems	3	45		(#)
	NT337DV01	Kinh doanh trên mạng xã hội	Business on social network	3	45		
	NT338DV01	Công nghệ thông tin cơ bản trong thương mại điện tử	Technology Fundamentals of E-commerce	3	45		
Tổng cộng				18	300		

HQC KỲ TẾT: SV có thể học vượt, trả nợ hoặc nghỉ

HQC KỲ 6

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	NT314DV02	Kho dữ liệu và khai thác dữ liệu	Database and Data Mining	3	45	MIS103D_Nhập môn Cơ sở dữ liệu	
3	NT315DV01/ NT315DE01	Bảo mật thương mại điện tử	E-Commerce security	3	45	NT209DV01/NT209DE01 _Thương mại điện tử AV210DV01 - Anh văn giao tiếp quốc tế 5	(#)
3	NT335DV01/ NT335DE01	Chiến lược Marketing thương mại điện tử	Strategy for E-Commerce Marketing	3	45	NT209DV01/NT209DE01 _Thương mại điện tử AV210DV01 - Anh văn giao tiếp quốc tế 5	(#)
4	NT336DV01/ NT336DE01	Quản trị dự án TMĐT	E-commerce project management	3	45	NT209DV01/NT209DE01 _Thương mại điện tử AV210DV01 - Anh văn giao tiếp quốc tế 5	(#)
5	DC143DV01	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh's Ideology	2	30	DC142DV01_Chủ nghĩa xã hội khoa học	
6		Tự chọn tự do 1 (*)		3	45		
7	Chọn 1 trong số các môn:						
	NT215DV01	Nhập môn Trí tuệ nhân tạo	Introduction to Artificial Intelligent	3	45		
	NT216DV01	Cơ sở pháp lý về thương mại điện tử	Legal Issues and E-Commerce	3	45	DC137DV01_Pháp luật đại cương	
	NT324DV01	Ứng dụng Blockchain trong kinh doanh quốc tế	Applying Blockchain on International Business	3	45		
Tổng cộng				20	300		

HQC KỲ HÈ: SV có thể học vượt, trả nợ hoặc nghỉ

HQC KỲ 7

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	DC144DV01	Lịch sử Đảng CSVN	Vietnam Communist Party's History	2	30	DC143DV01_Tư tưởng Hồ Chí Minh	
2	MIS314DV01	Kinh doanh thông minh và phân tích dữ liệu lớn	Business Intelligence and Big Data Analytics	3	45		
3	NT339DV01	Đề án Lập kế hoạch kinh doanh TMĐT	E-Commere Business Planning Project	2	30	NT209DV01/NT209DE01 _Thương mại điện tử NT336DV01/NT336DE01 _Quản trị dự án TMĐT	
4	NT308DV02	Sàn Giao dịch thương mại điện tử	E-Commerce Exchange	3	45	NT209DV01/NT209DE01 _Thương mại điện tử AV210DV01 - Anh văn giao tiếp quốc tế 5	

5	NT406DV01/ NT406DE01	Thương mại điện tử nâng cao	Advanced E-Commerce	3	45	NT209DV01/NT209DE01 _Thương mại điện tử AV210DV01 - Anh văn giao tiếp quốc tế 5	(#)
6	Chọn 1 trong số các môn:						
	NT303DV02	Công nghệ và Chuyển giao Công nghệ	Technology and Transfer	3	45		
	NT311DV02/ NT311DE02	Bán lẻ điện tử	E-Retailing	3	45		
	NT321DV01	Giao nhận hàng hóa và khai bảo hải quan	Forwarder and Customs	3	45	NT204DV02_Hội nhập & các cam kết quốc tế	
Tổng cộng				16	240		

HQC KỲ TẾT: SV có thể học vượt, trả nợ hoặc nghỉ

HQC KỲ 8

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
	Chọn 1 trong 2 hình thức:						
1	NT450DV01	Thực tập tốt nghiệp	Graduation Internship	9		Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
2	NT451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	Graduation Paper	9		Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
Tổng cộng				9			

HQC KỲ HÈ: Hết lộ trình mẫu - SV có thể trả nợ hoặc nghỉ

- Tổng số tín chỉ tích lũy: 130
- Số tín chỉ GDTC: 3

Lưu ý:

1/ Đối với các Kế hoạch học tập dành cho sinh viên có trình độ tiếng Anh đầu vào EIC 2, EIC 3, EIC 4, EIC 5, EIC 6, các môn tiếng Anh được sắp xếp theo bảng bên dưới (các môn học khác được sắp xếp tương tự như Kế hoạch này):

Stt	Trình độ anh văn đầu vào	Năm 1		
		Học kỳ 1 và học kỳ Tết	Học kỳ 2	Học kỳ hè
1	EIC 2	EIC 2 + EIC 3	EIC 4 + EIC 5	EIC 6
2	EIC 3	EIC 3	EIC 4 + EIC 5	EIC 6
3	EIC 4	EIC 4	EIC 5	EIC 6
4	EIC 5	EIC 5	EIC 6	
5	EIC 6	không học tiếng Anh	EIC 6	

2/ Các môn học Giáo dục thể chất sẽ được sắp xếp tùy điều kiện thực tế của nhà trường.

Trưởng bộ môn KDQT

PGS. TS. Hà Thị Ngọc Oanh

Ngày 23 tháng 10 năm 2020
Điều phối chương trình

ThS. Nguyễn Lê Đông Xuân